

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HIỆP  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS - ST

Ngày: 02-4-2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Từ Tứ Hải

2. Bà Phạm Thị Thu Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.**  
Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐXX-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐXX-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Đình T, sinh năm: 1961 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2/ *Bị đơn:* Ông Phan Văn Đ, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Phương D, sinh năm: 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Kinh H, thị trấn H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Đình T trình bày:*

Trước đây cửa hàng Đức T do ông Đỗ Đình T làm chủ có bán nợ phân bón, thuốc trừ sâu cho vợ chồng ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Phương D để sản xuất nông nghiệp với hình thức trả dần theo từng vụ và có thỏa thuận lãi

suất theo Ngân hàng. Thời gian đầu vợ chồng ông Đ, bà D trả nợ đúng theo thỏa thuận. Nhưng về sau thì ông Đ bà D chỉ hứa hẹn mà không chịu thanh toán tiền nợ vật tư cho ông T. Đến ngày 03/4/2020 ông T, bà D, ông Đ có làm văn bản xác nhận công nợ vợ chồng ông Đ, bà D còn nợ ông T số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật với tổng số tiền là 1.433.342.000đ (*Một tỷ bốn trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) có chữ ký xác nhận công nợ do bà Nguyễn Phương D. Ông Đ, bà D cam kết sau khi thu hoạch xong vụ lúa sẽ thanh toán số tiền trên cho ông T. Nhưng đến thời gian cam kết ông Đ bà D không thanh toán, ông T có đến nhắc nhở nhiều lần nhưng ông Đ, bà D chỉ hứa hẹn mà không thực hiện việc trả nợ.

Sau đó đến ngày 04/01/2021 bà D, ông Đ có chuyển nhượng một căn nhà và 01 phần đất thổ cư cho ông T với giá 700.000.000đ để khấu trừ nợ. Hiện tại ông Đ, bà D còn nợ lại ông T số tiền là 733.342.000đ (*Bảy trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

Tại phiên tòa ông T yêu cầu ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Phương D tiếp tục trả cho ông số tiền gốc còn lại là 733.342.000đ (*Bảy trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) và yêu cầu tính lãi từ ngày 04/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,8%/ tháng.

Và yêu cầu tính lãi số tiền 1.433.342.000đ (*Một tỷ bốn trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) kể từ ngày ký xác nhận công nợ ngày 03/4/2020 đến ngày 04/01/2021 với lãi suất là 0,8%/ tháng.

*Bị đơn bà Nguyễn Phương D trình bày :*

Trước đây vợ chồng ông bà có đến cửa hàng vật tư Nông nghiệp Đức T do ông Đỗ Đình T làm chủ mua nợ phân bón thuốc bảo vệ thực vật mua nhiều lần có thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 03/04/2020 hai bên xác nhận công nợ tổng số tiền vợ chồng bà còn nợ cửa hàng vật tư Đức T số tiền là 1.433.342.000đ (*Một tỷ bốn trăm ba mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

Đến ngày 04/01/2021 vợ chồng ông bà có chuyển nhượng một căn nhà và 01 phần đất thổ cư cho ông Đỗ Đình T với giá là 700.000.000đ để trừ nợ. Hiện nay vợ chồng bà còn nợ lại ông T số tiền là 733.342.000đ (*Bảy trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

Tại phiên tòa bà D thừa nhận còn nợ ông Đỗ Đình T số tiền còn lại 733.342.000đ (*Bảy trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn làm ăn thất bại nên bà không có khả năng trả một lần số tiền trên cho ông T bà xin được trả dần mỗi vụ lúa trả 30.000.000đ một năm trả 60.000.000đ cho đến khi hết nợ và yêu cầu ông T không tiếp tục tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, hợp lệ giấy triệu tập ông Phan Văn Đ tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông Đ không có mặt và không có lời trình bày.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đỗ Đình T khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Phương D trả số tiền gốc còn lại là 733.342.000đ (*Bảy trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) và yêu cầu tính lãi suất là 0.8% tháng kể từ ngày 04/01/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và khoản tiền lãi kể từ ngày xác nhận công nợ ngày 03/4/2020 số tiền 1.433.342.000đ (*Một tỷ bốn trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) đến ngày 04/01/2021 với lãi suất 0.8%/tháng. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Ông Đỗ Đình T khởi kiện ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Phương D, bà D, ông Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp Kinh H, thị trấn H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phan Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng và triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan Văn Đ.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đình T HĐXX xét thấy: Trước đây vợ chồng ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Phương D có đến đại lý của ông Đỗ Đình T mua nợ phân bón thuốc trừ sâu để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hình thức mua nợ trả dần theo từng thời vụ và có thỏa thuận lãi suất. Thời gian đầu ông Đ, bà D thanh toán nợ đúng theo thời vụ mà hai bên thỏa thuận, sau nay do làm ăn thất bại nên ông Đ, bà D chỉ trả được một ít và tiếp tục mua nợ thêm để phục vụ sản xuất. Do ông Đ, bà D là khách hàng quen biết và mua hàng với số lượng lớn nên ông T nghĩ tình và tiếp tục bán thêm vật tư nông nghiệp phân bón cho ông Đ bà D. Nhưng đến thời gian thu hoạch lúa xong ông Đ, bà D không chịu thanh toán, ông T có đến nhắc nhở nhiều lần nhưng ông Đ, bà D cho rằng do làm ăn thất bát nên không có khả năng trả nợ cho ông T. Đến ngày 03/4/2020 bà D, ông Đ có làm 01 giấy tay ký xác nhận công nợ vợ chồng ông còn nợ ông T số tiền 1.433.342.000đ (*Một tỷ bốn trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) có chữ ký xác nhận của bà D. Thời điểm xác nhận công nợ ông Đ, bà D cam kết 06 tháng sau sẽ thanh toán hết số nợ cho ông T nhưng đến thời gian cam kết ông Đ, bà D không thực hiện. Ngày 04/01/2021 vợ chồng bà D, ông Đ có chuyển nhượng một căn nhà và 01 phần đất thổ cư cho ông Tuấn với giá 700.000.000đ để khấu trừ nợ. Hiện tại ông Đông, bà Dung còn nợ lại ông Tuấn số tiền là 733.342.000đ (*Bảy trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà D, ông T thừa nhận thống nhất số tiền mà bà D, ông Đ còn nợ lại là 733.342.000đ (*Bảy trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*). Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của ông T Hội đồng xét xử xét thấy theo giấy xác nhận công nợ ngày 03/4/2020 hai bên không ghi nhận lãi suất, nhưng trong quá trình mua bán và tại phiên Tòa ông T bà D đều thừa nhận có thỏa thuận lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng thời điểm mua bán. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông Đỗ Đình T.

Tại phiên tòa ông Tuấn chỉ yêu cầu tính lãi là 0.8%/ tháng đây là sự tự nguyện của ông T nên HĐXX ghi nhận; Lãi suất tính cụ thể như sau:

Từ ngày xác nhận công nợ ngày 03/4/2020 đến ngày 04/01/2021 là 09 tháng 01 ngày (làm tròn chín tháng).

Gốc  $1.433.342.000đ \times 0.8\% / \text{tháng} \times 09 \text{ tháng} = 103.200.624đ$

Số tiền gốc  $1.433.342.000đ - 700.000.000đ$  còn lại  $733.342.000đ$

Từ ngày 04/01/2021 đến ngày 02/4/2021 là 02 tháng 27 ngày nhưng ông Tuấn chỉ yêu cầu tính đủ 02 tháng.

Số tiền  $733.342.000đ \times 0.8\% / \text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 11.733.472đ$

Gốc  $733.342.000đ + 103.200.624đ + 11.733.472đ = 848.276.096đ$

[6] Xét yêu cầu xin được trả dần và yêu cầu không tính lãi của bà D cho rằng hiện nay gia đình đang gặp khó khăn về kinh tế bà xin trả dần cho ông T một năm 60.000.000đ cho đến khi hết nợ và yêu cầu ông T không tính lãi, việc bà D xin trả dần và yêu cầu không tính lãi không được ông T chấp nhận. Hơn nữa trước đây ông T cũng tạo điều kiện cho bà D ông Đ trả dần nhưng bà D, ông Đ không thực hiện. Việc bà D ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận xin trả dần và không yêu cầu tính lãi của bà D.

[7] Đối với bị đơn ông Phan Văn Đ sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả lời cho Tòa án, không đưa ra chứng cứ và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và không có ý kiến trình bày. Nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Đình T buộc ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Phương D trả cho ông Đỗ Đình T

tổng số tiền là 848.276.096đ (*Tám trăm bốn mươi tám triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm chín mươi sáu đồng*). Trong đó số tiền gốc là 733.342.000đ (*Bảy trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*), khoản lãi thứ nhất 103.200.624đ ; khoản tiền lãi thứ hai là 11.733.472đ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là 848.276.096đ (*Tám trăm bốn mươi tám triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm chín mươi sáu đồng*)

Án phí tính như sau: 848.276.096đ  $\{ (36.000.000,đ + [48.276.096đ \times 3\%]) = 37.448.282đ$  (*Ba mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm tám mươi hai đồng*).

- Yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông Tuấn không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho ông Đỗ Đình T số tiền tạm ứng án phí 27.500.000đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0008013 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Phương D phải nộp 37.448.282đ (*Ba mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm tám mươi hai đồng*).

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Căn cứ các Điều 351, 357, 430, 440 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đình T

**2.** Buộc ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Phương D trả cho ông Đỗ Đình T . Tổng số tiền là 848.276.096đ (*Tám trăm bốn mươi tám triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm chín mươi sáu đồng*). Trong đó số tiền gốc là 733.342.000đ (*Bảy trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*), khoản lãi thứ nhất 103.200.624đ ; khoản tiền lãi thứ hai là 11.733.472đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

- Yêu cầu của ông Tuấn được chấp nhận nên ông Tuấn không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho ông Đỗ Đình T số tiền tạm ứng án phí 27.500.000đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0008013 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Phương D phải nộp 37.448.282đ (*Ba mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm tám mươi hai đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4. Quyền kháng cáo:** Ông Đỗ Đình T, bà Nguyễn Phương D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Văn Đông có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### ***Nơi nhận:***

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Vĩ**